

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07 /2019/DS -ST

Ngày 31 /7/2019

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH KON TUM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hòa; Ông A Nam Thị;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Điệp – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Hiêng Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST –DS ngày 13 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10 /2019/ QĐST – DS ngày 02/7/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị H;

Địa chỉ: Số X đường H, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy Th;

Địa chỉ: Thôn B, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Nguyên đơn là chị Võ Thị H trình bày:*

Là chỗ quen biết nên nguyên đơn đã hai lần cho bị đơn vay tiền;

Lần 1: Vào ngày 29/02/2018 nguyên đơn đã cho chị Nguyễn Thị Thùy Th vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), mục đích để chị Th thêm vốn buôn bán, giữa các bên có làm giấy tờ vay, có thỏa thuận lãi suất nhưng không đưa vào biên bản. Số tiền lãi chị Th đã trả có tháng được 500.000đ, có tháng được 700.000đ trên số nợ gốc, từ tháng 8 năm 2018 trở đi chị Th không trả lãi nữa.

Lần 2: Vào ngày 12/7/2018 (âm lịch) nguyên đơn đã cho chị Nguyễn Thị Thùy Th vay số tiền 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng), mục đích vay để đảo nợ ngân hàng, các bên có làm giấy tờ vay, có sự làm chứng của chị Nguyễn Thị Th là người hàng xóm cùng với nguyên đơn. Vì bị đơn nói vay ít ngày để đảo nợ ngân hàng nên phía nguyên đơn tạo điều kiện giúp đỡ mà không tính lãi.

Chị Nguyễn Thị Thùy Th đã đi khỏi địa phương từ tháng 8 năm 2018 đến nay, không thông báo địa chỉ mới, không liên lạc gì với phía nguyên đơn, tổng toàn bộ số tiền gốc chị Th còn nợ là 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng). Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng), không yêu cầu đòi lãi. Nguyên đơn nhận chịu số tiền chi phí cho việc đăng thông tin tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú là 3.000.000đ (Ba triệu đồng), không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền này.

Về chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm giấy vay tiền ngày 29/02/2018 (dương lịch) và giấy vay tiền ngày 12/7/2018 (âm lịch).

*Bị đơn là chị Nguyễn Thị Thùy Th:* Theo tài liệu Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương được biết bị đơn đã đi khỏi địa phương từ cuối tháng 8 năm 2018. Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết và đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định pháp luật nhưng bị đơn vẫn không tham gia tố tụng, không ủy quyền, không gửi văn bản trình bày ý kiến cũng như tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

*Ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát:* Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, các Hội thẩm nhân dân, thư ký tuân thủ và thực hiện đúng theo qui định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành việc tham gia tố tụng tại Tòa; bị đơn không chấp hành tham gia tố tụng và vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa; Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đánh giá: Giao dịch dân sự được xác lập giữa nguyên đơn và bị đơn vào ngày 29/02/2018 dương lịch và ngày 12/7/2018 âm lịch có hiệu lực pháp luật. Trong quá trình thực hiện bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc bị đơn phải trả số tiền vay cho nguyên đơn là 220.000.000đ theo các Điều 463, các khoản 1, 3 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; buộc bị đơn phải trả lãi chậm thi hành án và phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Đây là quan hệ phát sinh từ hợp đồng dân sự giữa cá nhân với cá nhân. Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo vụ việc, lãnh thổ. Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, bị đơn không tham gia tố tụng tại Tòa và đã vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Như vậy bị đơn đã từ bỏ quyền và không chấp hành nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét hợp đồng vay tiền ngày 29/02/2018 dương lịch và hợp đồng vay tiền ngày 12/7/2018 âm lịch thì cả hai hợp đồng được lập thành văn bản, nội dung hợp đồng ghi nhận rõ bên cho vay là chị Võ Thị H, bên vay là chị Nguyễn Thị Thùy Th, có địa chỉ cư trú tại thôn B, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; số tiền vay ngày 29/02/2018 là 50.000.000đ, số tiền vay ngày 12/7/2018 âm lịch là 170.000.000đ, thời hạn vay của mỗi hợp đồng đều là 01 tháng tính từ ngày vay; trong mỗi hợp đồng đều có chữ ký và ghi đầy đủ họ tên của người vay là chị Nguyễn Thị Thùy Th. Ngoài ra trong hợp đồng vay tiền ngày 12/7/2018 âm lịch còn có chữ ký ghi họ tên của người làm chứng là chị Nguyễn Thị Th. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của chị Nguyễn Thị Th, được biết chị Th trực tiếp chứng kiến chị Võ Thị H cho chị Nguyễn Thị Thùy Th vay số tiền 170.000.000đ vào ngày 12/7/2018 âm lịch là đúng sự thật. Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương và công an thị trấn P, được biết chị Nguyễn Thị Thùy Th có hộ khẩu và địa chỉ cư trú tại thôn B, thị trấn P, huyện N là đúng.

Trong toàn bộ quá trình tố tụng Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ, đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, để chị Nguyễn Thị Thùy Th được biết, để tham gia tố tụng nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nhưng chị Th không tham gia tố tụng, không có ý kiến gì về việc khởi kiện của nguyên đơn.

Xét tính hợp pháp của hợp đồng vay tiền ngày 29/02/2018 dương lịch và hợp đồng vay tiền ngày 12/7/2018 âm lịch: Các chủ thể tham gia giao dịch đều có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung thỏa thuận trong các giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự năm 2015. Như vậy các giao dịch dân sự được xác lập ngày 29/02/2018 dương lịch và ngày 12/7/2018 âm lịch có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ, buộc các bên phải thực hiện theo các thỏa thuận có trong các giao dịch.

Xét việc thực hiện hợp đồng của các bên: Nguyên đơn đã cho bị đơn vay số tiền gốc 50.000.000đ vào ngày 29/02/2018 dương lịch và 170.000.000đ vào ngày 12/7/2018 âm lịch. Bị đơn cam kết trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày vay sẽ trả số tiền vay nợ; hạn đến ngày 29/3/2018 dương lịch và ngày 12/8/2018 âm lịch bị đơn đã không trả được tổng số tiền nợ là 220.000.000đ. Như vậy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 463, các khoản 1, 3 Điều 466 của Bộ

luật dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Vì vậy chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền đã vay 220.000.000đ. Đối với tiền lãi, do nguyên đơn không yêu cầu đòi lãi và các bên cũng không có tranh chấp về tiền lãi nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật nếu bị đơn chậm trả tiền cho nguyên đơn thì bị đơn phải trả lãi 10%/năm/ số tiền gốc chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 117, Điều 463, các khoản 1, 3 Điều 466; Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 ;

Căn cứ Điều 144, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 và danh mục án phí của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền kháng cáo;

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc chị Nguyễn Thị Thùy Th phải trả cho chị Võ Thị H số tiền gốc vay là 220.000.000đ (*Hai trăm hai mươi triệu đồng*);

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật nếu chị Nguyễn Thị Thùy Th chậm trả tiền cho chị Võ Thị H thì phải chịu lãi 10%/năm/số tiền chậm trả.

2. Về án phí : Chị Nguyễn Thị Thùy Th phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 11.000.000đ (*Mười một triệu đồng*), để nộp ngân sách Nhà nước. Chị Võ Thị H được nhận lại số tiền nộp tạm ứng án phí 5.500.000đ (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0000191 ngày 12-12-2018 của chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kon Tum.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/7/2019); Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân huyện.
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
(Đã ký)

**Nguyễn Thị Hảo**